

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 9 – 2022

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình – Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Ngoan.

*Các Hội Thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Minh Thật.
2. Ông Trương Văn Chung.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2022/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Lương Tâm, huyện LM, tỉnh HG.

*2. Bị đơn:* Ông Hà Văn A, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Lương Tâm, huyện LM, tỉnh HG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N (gọi tắt là bà N) trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông Hà Văn A (gọi tắt là ông A) có tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Nhưng hôn nhân do ông bà cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian dài, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, do không thể sống chung với nhau nên ông bà đã ly thân khoảng 2 năm nay. Vì vậy, nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà N khai vợ chồng bà có 02 con chung tên Hà Thanh K (giới tính: nam) sinh năm 1995 và Hà Như Ý (giới tính: nữ), sinh năm 2001. Hiện nay con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hà Văn A đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng N và Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông N để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn ông Hà Văn A.

Tại phiên tòa, bà N có đơn cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Hà Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Hà Văn A. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn”. Bị đơn ông Hà Văn A có địa chỉ cư trú tại ấp 3, xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hà Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với tất cả các đương sự trong vụ án nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà N, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Vào 1994 bà N và ông A tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Ông bà đã duy trì quan hệ hôn nhân trong thời gian dài, có con chung, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, dẫn đến không còn sống chung với nhau khoảng 12 năm nay. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung ông bà không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật hôn nhân và gia đình thừa nhận. Nay bà N có yêu cầu xin ly hôn với ông A nên hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết đối với quan hệ chung sống như vợ chồng của bà N và ông A. Theo khoản 2 Điều 53 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng...”*. Do đó, hội đồng xét xử không công nhận bà Trần Thị Hồng N và ông Hà Văn A là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Nga phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Điều 14; Điều 51; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N và ông Hà Văn A là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006394 phiếu lập ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND xã Lương Tâm;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thúy Ngoan**